TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:54/2022/DSST
Ngày: 12-9-2022.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Trần Văn Điền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Lương Anh

Ông: Nguyễn Đăng Khánh Phượng.

***Thư ký phiên tòa**: Ông Huỳnh Ngọc Phú* - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa**:* Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐST-DS ngày 22/3/2022 và theo quyết định hoãn phiên tòa 502/2022/QĐST-DS 18/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm: 1954.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm : 1957.

Cùng địa chỉ: Số 03, đường Nam Kỳ Khởi Ng,(Số mới 54 Phan Như Th) phường A, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Tuyết Tr.

Địa chỉ: 27, Bis Ngô Thì S(số mới 37) phường B, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, *vắng mặt tại phiên tòa*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt ngày 22/11/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn ông Trịnh văn Đ trình bày:

Bà Trịnh Thị Tuyết Tr là em ruột của ông Trịnh Văn Đ(bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Đg). Do thiếu tiền làm ăn nên bà Trịnh Thị Tuyết Tr có vay mượn của vợ chồng ông Đg(Trnh Văn Đ- bà Nguyễn Thị H) nhiều lần khi vay mượn bà Tr có viết giấy nợ và hẹn ngày trả cho vợ chồng ông Đ. Do bà Tr không trả được nợ. Đến ngày 10/12/2020 bà Trịnh Thị Tuyết Tr có viết giấy chốt nợ số tiền mà bà Tr nợ vợ chồng ông Đ là 1.020.000.000đồng *(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)* và bàTr hứa trả sẽ trả nợ cho vợ chồng ông Đ từ ngày 16/12/2020 đến ngày 10/02/2021 sẽ trả hết cho vợ chồng ông Đ số tiền theo như giấy chốt nợ vào ngày 10/12/2020 là 1.020.000.000đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*. Tuy nhiên đến hạn bà Tr cũng không trả nên vợ chồng ông Đ khởi kiện ra Tòa.

Bà Nguyễn Thị H thống nhất với lời trình bày của ông Đ và yêu cầu bà Tr trả số tiền 1.020.000.000đồng *(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*cho vợ chồng bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn ông Trịnh Văn Đg và bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Trịnh Thị Tuyết Tr trả cho vợ chồng ông(bà)Đ - H số tiền 1.020.000.000đồng*(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)* tiền gốc, ông (bà) không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là vợ chồng ông Đ(ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H), buộc bị đơn bà Trịnh Tuyết Tr phải trả cho vợ chồng ông Đ số tiền 1.020.000.000đ*(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án mặc dù đã được niêm yết hợp lệ nhưng bà Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 19/4/2021viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt yêu cầu giám định chữ ký của bà Tr trong giấy mượn tiền của ông Đ, bà H và giấy mượn tiền các tài liệu khác, Tòa án đã tạm ngưng phiên tòa và tạm đình chỉ để chờ kết quả giám định. Tuy nhiên, khi Tòa án đã có kết quả và thông báo công khai chứng cứ, hòa giải và về việc mở lại phiên tòa, đã được niêm yết hợp lệ nhưng bà Tr vẫn vắng mặt. Vì vậy: Hội đồng xét xử vắng mặt bà Trinh theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp: Vợ chồng ông (bà) Đ – H có cho bà Trịnh Thị Tuyết Tr(bà Trinh là em ruột của ông Đ), vay nhiều lần tổng số tiền 1.020.000.000đ*(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*, việc vay tiền được các bên thể hiện bằng văn bản có chữ viết và chữ ký của bà Tr. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà H, ông Đ nhiều lần nhắc nhở bà Trinh nhưng bà Tr không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Do đó, quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết tranh chấp nói trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Trên thực tế giữa vợ chồng ông (bà) Đ – H và bà Tr Thị Tuyết Tr có xác lập giao dịch dân sự vay tiền nhiều lần nhưng sau đó đã chốt nợ vào ngày 10/12/2020. Với số tiền bà Tr nợ vợ chồng ông Đ - bà H là 1.020.00.000đồng*(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các giao dịch vay tiền nói trên đều được lập thành văn bản. Sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm xác lập giao dịch các bên có năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập vì vậy, giao dịch nói trên không bị vô hiệu, các bên phải thực hiện theo thỏa thuận là phù hợp.

Tại các phiên hòa giải bà Tr cũng không đến đến tòa đề trình bày về việc vay mượn của mình, chính vì vậy viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết cũng như yêu cầu ông Đ, bà H làm rõ các khoản tiền vay khác.

Tại bản kết luận giám định số 596/KL – KTHS ngày 12/7/2022 của phòng kỷ thuật công an hình sự Lâm Đồng kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Trịnh Thị Tuyết Tr trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết ghi tên Trịnh Thị Tuyết Tr trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông (bà) Trịnh Văn Đ – Nguyễn Thị H, buộc bà Trịnh Thị Tuyết Tr phải trả cho ông (bà) Trịnh Văn Đ – Nguyễn Thị H số tiền gốc là 1.020.000.000đ *(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*là đúng theo quy định và đúng với khoản tiền mà bà Trịnh Thị Tuyết Tr vay của ông (bà) Trịnh Văn Đ – Nguyễn Thị H.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Đ, bà H tự nguyện chịu chi phí tố tụng (giám định) và đã thanh toán xong. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 357, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vợ chồng ông (bà) Trịnh Văn Đ – Nguyễn Thị H.

2- Buộc bà Trịnh Thị Tuyết Tr phải trả cho Trịnh Văn Đ – Nguyễn Thị H số tiền 1.020.000.000đ (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trịnh Thị Tuyết Tr phải chịu 42.600.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được (niêm yết) tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Điền